TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2023
V/v: "Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hữu;

2. Ông Bùi Đắc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp 6, xã N, huyện C, tỉnh N; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp 6, xã N, huyện C, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-6-2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Trần Văn K chung sống với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn, chung sống tự nguyện. Trong quá trình chung sống, ông K không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu, bia về nhà chửi bới, đánh đập bà và con gái nhiều lần. Bà đã báo chính quyền địa phương khuyên can, hòa giải nhưng ôngK không

sửa đổi. Ông, bà vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân 01 năm. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa bà và ông K theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 02-4-1999. Nay cháu Thúy đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn K trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn, chung sống tự nguyện. Trong quá trình chung sống, ông thừa nhận có uống rượu nhưng không có kiếm chuyện gây gổ với bà N. Nguyên nhân chính dẫn đến ông và bà N gây gổ là do bà N thường xuyên đánh bài. Ông, bà vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân 01 năm. Nay ông đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn giữa ông và bà N theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 02-4-1999. Nay cháu Thúy đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về "Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" đối với ông Trần Văn K. Việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn K không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; về con chung: Có 01 cháu tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 02-4-1999 đã thành niên nên bà N và ôngK không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ôngK không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn K là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ôngK.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn K chung sống như vợ, chồng từ năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 14 của của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc chung sống như vợ, chồng giữa bà N và ôngK không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 02-4-1999 đã thành niên nên bà N và ôngK không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ôngK không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về "Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" đối với ông Trần Văn K. Việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn K không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

2. Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 02-4-1999 đã thành niên nên bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008320, ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Đức Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.